



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.net



Tổng thống Thiệu và Hải chiến Hoàng Sa

Tác giả: TS. Nguyễn Tiến Hưng

Người dân chài làm ăn thường là cần cù, lương thiện nhưng khi người lính đội lốt dân chài đi đánh cá thì thật là nguy hiểm, dù đánh cá ở Scarborough, Kinsaku hay Hoàng Sa.

Vào tháng 2 năm 1959 ngư thuyền Trung Quốc đưa người vào đánh cá trên Hoàng Sa. Không biết là dân chài thật hay dân chài giả, Tổng thống Ngô Đình Diệm cho lệnh bắt giữ rồi trục xuất ra ngay.

Bộ Ngoại Giao Mỹ dưới sự lãnh đạo của Ngoại trưởng Foster Dulles không e ngại TQ trả đũa, cũng không ngăn chặn Tổng thống Diệm.

Tới năm 1974, ngư thuyền Trung Quốc lại quay về Hoàng Sa, nhưng lần này có chiến hạm đi theo. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh 'mời' những tàu này ra.

Khi chiến hạm cứ tiến vào, Hải quân Việt Nam Cộng hòa đã khai hỏa. Trận chiến kéo dài một ngày. Lập tức Bộ Ngoại Giao Mỹ dưới sự lãnh đạo của ông Kissinger liền khẩn cấp can ngăn Tổng thống Thiệu hãy ngừng lại, đừng đụng độ với Trung Quốc thêm nữa!



**Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đón đoàn Quốc hội Mỹ, mùa hè 1974.
Tác giả Nguyễn Tiên Hưng ngồi ở bên trái hình.**

Ý nghĩa của trận Hoàng Sa

Quân đội Mỹ vừa rút đi xong, Trung Quốc đã muốn tìm hiểu xem thực sự Mỹ có can thiệp trở lại hay không, Washington có thay đổi lập trường “ngăn chặn Trung Cộng” hay không? Đó là lý do dẫn đến biến cố Hoàng Sa ngay đầu năm 1974.

Đây là cảm tưởng chúng tôi có được sau khi hàn huyên với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu về biến cố này.

Một buổi chiều mùa Thu năm 1976 tại ngôi nhà bé nhỏ của gia đình ông ở vùng Surrey ngoại ô thành phố Luân Đôn, sau bữa cơm tối tôi ngồi nhâm nhi ly rượu và tâm sự với ông về những diễn biến trước khi sụp đổ.

Khi tôi hỏi ông về trận Hoàng Sa và nhắc lại là đầu năm 1974 ông có chỉ thị cho chúng tôi phải báo cáo cho thật trung thực về tình hình viện trợ, chúng tôi đã trình bày là về tiếp liệu, quân nhu và quân cụ thì chúng tôi không biết rõ, nhưng về ngân sách dành cho Việt Nam thì sắp hết rồi vì Quốc hội Mỹ đang cắt xén rất mạnh tay.

Tôi hỏi ông là tại sao ông biết đã đến lúc cạn kiệt rồi mà vẫn còn chống cự cả Trung Quốc.

Ông không trả lời thẳng nhưng suy nghĩ giây lát rồi lẩm bầm – chúng tôi không nhớ rõ nguyên văn nhưng đại khái ông nói: “Tôi còn định đi thêm bước nữa,” rồi nhìn tôi và lắc đầu.

Tôi muốn hỏi thêm 'đi bước nữa là thế nào,' nhưng thấy ông tỏ vẻ lơ đãng, ưu phiền nên nói lảng sang chuyện khác. Các bạn có thể xem thêm trong cuốn Khi Đồng Minh Nhảy Vào, Chương 25.

Ngày nay, với những tiết lộ mới đây về mặt điện của Bộ Ngoại Giao Mỹ vào chính ngày có hải chiến Hoàng Sa (19/1/1974) và tìm hiểu thêm qua nhân chứng thì chúng tôi đã có thể giải mã về biến cố này.

Phân tích cho kỹ thì thấy ý nghĩa của trận Hoàng Sa thật là sâu xa: về thực tế, là để bảo tồn lãnh thổ, nhưng về mặt nguyên tắc, nó phản ánh một cố gắng – hoàn toàn ngoài sức mạnh của VNCH – để ngăn chặn Trung Quốc khỏi tràn xuống Biển Đông.

Bối cảnh dẫn tới trận Hoàng Sa

Ngày 22 tháng 6, 1972 trong một buổi mật đàm với Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai ở Bắc Kinh, Cố vấn Mỹ Henry Kissinger đã cho ông Chu biết rằng:

"Nếu có một thời gian vừa đủ giữa lúc chúng tôi rút quân và những gì xảy ra sau đó thì vấn đề gần như chắc chắn rằng có thể khoan gọn, như chuyện nội bộ của Đông Dương" và "sau khi chúng tôi đã không còn can dự nữa thì ...rất ít khả năng chúng tôi sẽ quay trở lại, rất ít khả năng."

Cuối tháng 3/1975, toàn bộ quân lực Mỹ đã rút khỏi Miền Nam. Sau đó Quốc Hội Mỹ lấy cớ "Miền Nam đã có cả hòa bình lẫn danh dự" để cắt giảm viện trợ thật nhanh.

Như vậy là ván bài Việt Nam đã được khoan gọn, và tới đầu năm 1974 thì chắc TQ cho rằng "khoảng thời gian vừa đủ" đã chấm dứt: Bắc Kinh muốn trắc nghiệm xem Mỹ có quay trở lại hay không.

Cho nên, ngay đầu năm, Trung Quốc đã lần chiếm Hoàng Sa.

Dù trong hoàn cảnh nghiệt ngã, Hải quân VNCH vẫn chống trả. Ngày 18 tháng 1, Tổng thống Thiệu bay ra tận Đà Nẵng, lấy giấy ra viết tay thẳng cho Phó Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Tư lệnh Hải quân Vùng 1 Duyên hải.

Trên đầu trang ông viết: 'Chỉ thị cho Tư lệnh Hải quân Vùng 1 Duyên hải':

“Thứ nhất là tìm đủ mọi cách ôn hòa mời các chiến hạm Trung Cộng ra khỏi lãnh thổ VNCH. Thứ hai, nếu họ không thi hành thì được nổ súng cảnh cáo trước mũi các chiến hạm này và nếu họ ngoan cố thì toàn quyền sử dụng vũ khí để bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ VNCH.”

Viết lệnh xong, ông Thiệu cất giọng: “Anh Thoại, đến đây và đọc trước mặt tôi đây, có gì không rõ ràng thì cho tôi biết ngay từ bây giờ.”

Dù bị mất Hoàng Sa và chịu nhiều tổn thất và thương vong, Hải quân VNCH đã gây tổn thất lớn cho đối phương như nhiều nguồn đã đề cập.

Theo ông Thoại thì Hộ tống hạm lớp Kronshtadt 274 của Trung Quốc bị bắn chìm.

Vì tàu này là soái hạm nên hầu hết bộ tham mưu đều tử trận gồm cả Đô đốc Phương Quang Kinh, Tư lệnh Phó của Hạm đội Nam Hải, bốn đại tá, sáu trung tá, hai thiếu tá, bảy sĩ quan cấp úy và một số đoàn viên.

Ngoài ra, Trục lô hạm số 389 và số 396 bị hư hại nặng.

Dĩ nhiên phải “cẩn tắc” để “vô ưu” nên Trung Quốc đã chuẩn bị cho những bất trắc có thể xảy ra.

Những tiết lộ mới đây cho biết Chủ tịch Mao đã sắp xếp để đưa một lực lượng quân sự lớn lao gồm hơn 40 chiến hạm để làm lá chắn cho Hoàng sa, phòng hờ Đệ Thất Hạm Đội can thiệp.

Sau hải chiến, Tổng thống Thiệu ra lệnh cho Không quân oanh kích để phản công

Bây giờ thì chúng tôi lại cũng hiểu rõ về câu Tổng thống Thiệu nói “Tôi còn định đi thêm bước nữa.”

Tìm hiểu thêm, chúng tôi được biết rằng sau trận hải chiến, Tổng thống Thiệu đã ra lệnh cho Không Quân VNCH bay ra Hoàng Sa oanh kích để phản công, nhưng rồi lệnh được rút lại.

Tại sao như vậy? Ngày nay thì ta đã có chứng cứ và văn bản để trả lời.

Trước hết về lệnh cho Không Quân ra khơi để phản công, chúng tôi phối kiểm với Đại tá Nguyễn Quốc Hưng, (Phụ Tá Tham Mưu Phó Hành Quân, Bộ Tư lệnh Không quân, phụ trách toàn bộ 19 phi đoàn khu vực của VNCH) thì ông đã xác nhận là đúng.

Ông kể lại nhiều chi tiết, tóm tắt như sau: vào 8 giờ tối ngày 19 tháng 1/1974, Tư lệnh Không quân nhận được mật lệnh của Tổng thống phải dùng phản lực cơ chiến đấu siêu thanh F5-E để oanh kích phản công địch trên đảo Hoàng Sa.

Ngày hôm sau đoàn phi công đã cất cánh hai lần để ra khơi, một lần vào buổi trưa và một lần buổi chiều, mỗi lần gồm hai phi tuần.

Nhưng vừa bay được khoảng trên một trăm dặm thì nhận được đặc lệnh phải quay trở về đất và hủy bỏ ngay các phi vụ không kích này.

Lý do là Đệ Thất Hạm Đội yêu cầu ngừng kế hoạch oanh tạc và nhấn mạnh rằng sẽ không có "top cover" (yểm trợ trong trường hợp bị phi cơ của Trung Quốc từ Hải Nam lên không chiến) và cũng không có "rescue" (cứu vớt nếu bị bắn rơi).

Trong số những quân nhân tham gia phi vụ không kích này, số nhân chứng còn sống hiện nay thì ngoài ông Quốc Hưng (hiện ở Salem, Oregon) còn có các Thiếu tá Phạm Đình Anh (California), Đàm Tường Vũ (Arizona), Vũ Việt Quý (California), và Hồ Văn Giàu (Las Vegas).

Mật điện Bộ Ngoại Giao Mỹ (19 /1/1974): Can ngăn Tổng thống Thiệu

Một chuyện thật lạ lùng: vào ngày 17 tháng 1/1974 (ngày 18 tháng 1 – giờ Sài Gòn) Bộ Ngoại Giao Mỹ do Ngoại trưởng Henry Kissinger lãnh đạo đã gọi điện thoại cho Đại sứ Martin ở Sài Gòn và nhấn mạnh ý muốn của Bộ là "tình hình phải được hạ nhiệt" (cooling the situation).

Tài liệu này được giải mật ngày 30 tháng 6, 2005. Dĩ nhiên là ông Martin phải thi hành ngay và đã cố vấn ông Thiệu. Ngày hôm ấy chính là ngày Tổng thống Thiệu bay ra Đà Nẵng để ra lệnh chống cự Hải quân Trung Quốc.

Cùng ngày, Đề đốc Lâm Ngươn Tánh, Tư lệnh phó Hải quân VNCH bay ra Bộ tư lệnh Hải quân Vùng 1 Duyên hải tại Đà Nẵng để chỉ huy lực lượng tham chiến tại Hoàng Sa. Ngày 19 tháng 1 là ngày có trận hải chiến, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ lại gửi mật điện can ngăn Tổng thống Thiệu đừng đi thêm bước nữa.

Bức điện đó như sau:

Ngày 19 tháng 1/1974

Người gửi: Ngoại Trưởng – Washington DC

Nơi nhận: Tòa Đại sứ Sài Gòn

Mật điện Bộ Ngoại Giao 012641

1. Xung đột quân sự tại Hoàng Sa đã đưa đến thương vong cho VNCH với hai chiến hạm bị tên lửa STYX của Trung Quốc bắn chìm. Chính phủ VNCH có yêu cầu Mỹ giúp tìm kiếm và cứu vớt các nạn nhân. Tình hình thêm phức tạp vì báo cáo là trên đảo Pattle (do VNCH đóng quân) lại có một nhân viên dân sự Mỹ làm việc cho Văn phòng Tùy viên ở Đà Nẵng. Chúng tôi không hiểu tại sao người này lại có mặt ở đó.

2. Bộ Ngoại Giao đã yêu cầu Bộ Quốc Phòng ra lệnh cho Hải quân Hoa Kỳ tránh khỏi khu vực này.

Hai ngày trước đây (17 tháng 1) chúng tôi có bàn luận với Đại sứ Martin qua điện thoại và bày tỏ ý muốn của chúng tôi là tình hình phải được hạ nhiệt...

3. Thông cáo của Bộ Ngoại Giao gửi cho báo chí về vụ này sẽ nói theo những điểm như sau:

— Chính phủ Hoa Kỳ không đứng về phe nào trong việc tranh chấp Hoàng Sa nhưng hết sức mong muốn là sự tranh chấp được giải quyết trong hòa bình.

— Lực lượng quân sự Mỹ không dính líu gì vào xung đột này.

4. Chúng tôi đang yêu cầu Tòa Đại sứ ở Sài Gòn cố vấn chính phủ VNCH chỉ nên có những hành động tối thiểu để tự vệ và để cứu vớt nạn nhân (và người nhân viên Mỹ ở trên đảo) nhưng làm tất cả những gì có thể để tránh đụng độ trực tiếp thêm nữa với lực lượng Trung Quốc. Việc mà VNCH hay chúng ta không cần chút nào trong lúc này là đụng độ giữa Trung Quốc và Chính phủ Việt Nam về mấy hòn đảo, dẫn tới vai trò bất chấp của Trung Quốc trong cuộc chiến Việt Nam.

KHẨN – MẬT

Về phản ứng của Mỹ và mật điện ngày 19 tháng 1, 1974, ta có thể nhận xét như sau:

Vừa biết tin rục rịch là TT Thiệu đang sửa soạn ra lệnh chống trả chiến hạm

Trung Quốc là Bộ Ngoại Giao đã can ngăn ngay.

- Chính phủ VNCH yêu cầu Mỹ giúp tìm kiếm và cứu vớt các nạn nhân (ngoài số tử thương còn 68 binh sĩ VNCH bị mất tích và bắt làm tù binh) nhưng bị từ chối.
- Đã không yểm trợ chiến đấu, đã ra lệnh cho Hải quân Hoa Kỳ tránh né khỏi khu vực giao tranh, lại còn tuyên bố cho rõ ràng là "Chính phủ Mỹ không đứng về phe nào trong việc tranh chấp Hoàng Sa" và xác định (cho Bắc Kinh biết) là "Lực lượng quân sự Mỹ không dính líu gì vào vụ xung đột này."

- *Không đứng về phe nào thì tại sao lại khuyên can chính phủ VNCH "hãy hạ nhiệt," chỉ hành động tối thiểu để tự vệ và để cứu vớt nạn nhân thôi, nhưng làm bất cứ những gì để tránh đụng độ thêm nữa với lực lượng Trung Quốc về mấy hòn đảo? Ông Kissinger đã quên rằng chính ông đã từng soạn thảo lá thư để TT Nixon gửi TT Thiệu ngay trước khi ký kết Hiệp Định Paris nói đến lập trường ven toàn lãnh thổ của VNCH: "Nền tự do và độc lập của VNCH vẫn còn là mục tiêu tối cao của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ" (thư ngày 17 tháng 1, 1973).*
- *Như vậy là một cửa vào Biển Đông đã bắt đầu được mở rộng. Trước đó, từ 1960 tới 1973, Trung Quốc chỉ cho tàu đi tuần tiểu vùng biển giữa quần đảo Hải Nam và Hoàng Sa trung bình khoảng năm lần một năm.*

Qua eo biển Đài Loan

Trước Hoàng Sa, Mỹ đã mở một cửa nữa vào Biển Đông, đó là qua eo biển Đài Loan ở phía trên. Sau khi ông Mao Trạch Đông chiếm được Trung Hoa Lục Địa vào tháng 10/1949, Hoa Kỳ nhất quyết bảo vệ độc lập của Đài Loan hay nước 'Trung Hoa Dân Quốc.'

Bởi vậy mỗi lần Bắc Kinh đe dọa eo biển Đài Loan như vào năm 1954-1955 và 1958 thì Mỹ phản ứng rất mạnh (xem Khi Đồng Minh Nhảy Vào, Chương 28). Nhưng từ 1971 thì khác.

Ngày 29 tháng 7/1971: Kissinger bí mật đi Bắc Kinh và trong dịp này đã cho Trung Quốc biết là Mỹ không còn ủng hộ một Đài Loan độc lập nữa, có nghĩa là Đài Loan sẽ chỉ là một khu vực của Trung Quốc, và như vậy Mỹ sẽ hết bảo vệ khu này và sẽ rút hạm đội và phi đội ra khỏi nơi đây.

Tháng 8/1971: sau cuộc họp, Mỹ tuyên bố hủy bỏ việc chống Trung Quốc gia nhập Liên Hiệp Quốc. Tháng 10, Liên hiệp Quốc bỏ phiếu 76 thuận, 35 chống (và 17 không bỏ phiếu) việc đẩy Đài Loan ra khỏi Liên Hiệp Quốc và chấp nhận chính quyền Bắc Kinh là chính phủ đại diện Trung Quốc.

Tháng 10/1971: Mỹ rút khu trục hạm của Đệ Thất Hạm Đội ra khỏi eo biển Đài Loan.

Tháng 2/ 1972: TT Nixon thăm viếng Bắc Kinh. Sau cuộc họp Nixon – Mao tại Bắc Kinh, một thông cáo chung gọi là 'Thông Cáo Thượng Hải' (Shanghai Communique) được tuyên bố, gián tiếp quy định "Việc Mỹ rút toàn bộ khỏi Đài Loan là mục tiêu cuối cùng," và sẽ "từng bước giảm cả

quân đội, cả những căn cứ Mỹ tại Đài Loan khi sự căng thẳng trong vùng bớt đi.”

Trấn an Trung Quốc sau khi Miền Nam sụp đổ

Ngày 1 tháng 12 năm 1975: ông Henry Kissinger đã sắp xếp để người kế vị Tổng thống Richard Nixon là Tổng thống Gerald Ford đi Bắc Kinh năm ngày và gặp Chủ tịch Mao Trạch Đông.

Trước chuyến đi, ông Kissinger đã cố vấn Tổng thống Ford thật kỹ: “Ngài sẽ cố gắng hết sức để tăng cường giây liên lạc với Trung Quốc. Ngài (nên cho họ biết rằng) Ngài tin việc phát triển mối bang giao Mỹ – Trung là quyền lợi căn bản của chúng ta và Ngài sẽ theo đuổi việc này một cách mạnh mẽ trong những năm tới.”

Ngày 7 tháng 12/1975: Vừa từ Bắc Kinh về, TT Ford tuyên bố ‘Học thuyết Thái Bình Dương’ (Pacific Doctrine) kêu gọi bình thường hóa toàn diện quan hệ với Trung Quốc và cộng tác kinh tế trong toàn thể Á Châu.

Dĩ nhiên, điều kiện để bình thường hóa toàn diện với Trung Quốc là việc Mỹ rút khỏi eo biển Đài Loan.

Cuối tháng 5 năm 1975: chỉ một tháng sau khi Miền nam sụp đổ, Hoa Kỳ đã rút đội phi cơ chiến đấu cuối cùng ra khỏi Đài Loan. Có nghĩa là từ đó những hạm đội Đông Hải của TQ từ phía bắc có thể theo con đường nhanh nhất tràn xuống phía Nam.

Và từ phía nam những hạm đội Nam Hải có thể tiến thẳng vào Biển Đông qua ngả Hoàng Sa.

Tương lai của vùng này trở nên đen tối. Trung Quốc chỉ cần mua thời gian để chuẩn bị, chờ cho tới khi có đủ thiên thời, địa lợi, nhân hòa để ra tay: ba yếu tố này đã hội đủ vào năm 2008 (Các bạn xem thêm cuốn Khi Đồng Minh Nhảy Vào, Chương 26).

Như vậy lịch sử sẽ phải ghi nhận rằng chính hai ông Nixon và Kissinger đã đơn phương và trong vòng bí mật, mở cả hai cửa vào Biển Đông cho Trung Quốc từ trên 40 năm trước đây.

Hậu quả của mật điện Hoàng Sa ngày 19/1/1974 thật là lớn lao, nó dẫn đến tình trạng hỗn loạn tại Biển Đông ngày nay. Để mất Hoàng Sa và còn nhẫn nhủ Trung Quốc rằng Mỹ không có dính líu gì vào tranh chấp hải đảo, rằng quân lực Mỹ đã được lệnh rút ra khỏi vùng này.

Như vậy là Trung Quốc được tự do tung hoành. Từ tung hoành tới lộng hành. Cái kẹt là sau khi lộng hành với các quốc gia sở tại, Trung Quốc lộng hành với chính Mỹ. Cho nên Mỹ phải xoay trục để trở về với Biển Đông, nơi đó có tới bảy quyền lợi của Mỹ như đã được xác định bằng văn bản (Khi Đồng Minh Nhảy Vào, Chương 26).

Trung Quốc lại là đối tác ngoại thương lớn nhất – tổng số xuất-nhập Trung-Mỹ lên tới \$579 tỷ vào năm 2016. Mặt khác Mỹ phải cố gắng để thắt cho thật chặt quan hệ ngoại giao với các quốc gia trong vùng, nhất là với Việt Nam.

Tại sao như vậy? Đó là một chủ đề chúng tôi sẽ đề cập trong một bài khác.

Bây giờ, muốn trở về với Biển Đông Mỹ đi hàng đôi: một mặt thì tỏ ra mềm dẻo với Trung Quốc nhưng mặt khác lại luôn luôn chuẩn bị để đối phó bằng quân sự với Trung Quốc, dù dưới thời Tổng thống Obama hay Tổng thống Trump.

Để đối phó, Mỹ đang tăng cường liên minh quân sự với một số quốc gia trong vùng, kể cả tiến tới đối tác chiến lược với Việt Nam. Tại sao như vậy? Đó là một chủ đề chúng tôi sẽ đề cập trong một bài khác.

Bài viết thể hiện quan điểm riêng của tác giả, tiến sỹ Nguyễn Tiến Hưng, Cựu Tổng trưởng Kế hoạch VNCH từ năm 1973 đến 1975, phụ tá về tái thiết của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Hiện định cư tại Hoa Kỳ, ông đã xuất bản các cuốn sách Khi Đồng minh tháo chạy (2005) và Khi Đồng minh nhảy vào (2016).

Nguồn: BBC

www.vietnamvanhien.net



vietnamvanhien.net